

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ**  
**TỈNH ĐIỆN BIÊN**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HSST

Ngày: 17 - 7 - 2019

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ**  
**TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Nhung;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Quang Lực và bà Lò Thị Đình;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thương Huyền, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thanh Nghị, là Kiểm sát viên;

Ngày 17 tháng 7 năm 2019 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2019/HSST ngày 24 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-HS ngày 04/7/2019, đối với các bị cáo:

**1. Bị cáo: Phùng Ngọc T;** Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam  
Sinh ngày: 21 tháng 12 năm 1986, tại Điện Biên;  
Nơi ĐKKHKT và cư trú: Tổ dân phố 30, phường T, thành phố Đ, tỉnh B;  
Nghề nghiệp: Kinh doanh dịch vụ cầm đồ; Trình độ văn hóa: 12/12;  
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;  
Con ông: Phùng G và bà Hà Th;  
Vợ: Lò H; Con: Có 01 con sinh năm 2011;  
Tiền án: Không; Tiền sự: Không;  
Nhân thân: Không có gì đặc biệt;  
Bị tạm giam từ ngày 04/02/2019 cho đến nay - Có mặt.

**2. Bị cáo: Mai Trung K;** Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam  
Sinh ngày: 28 tháng 8 năm 1989, tại tỉnh A;  
Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 29, phường M, thành phố Đ, tỉnh B;  
Tạm trú tại: Tổ dân phố 7, phường N, thành phố Đ, tỉnh B;  
Nghề nghiệp: Buôn bán tự do; Trình độ văn hóa: 12/12;  
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Mai T và bà Hoàng L;

Vợ: Phí Thị E; Con: Có 02 con: Lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2017;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Không có gì đặc biệt;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/2/2019 cho đến nay - Có mặt.

**Người bị hại:** Anh Nguyễn Văn Y; địa chỉ: Tổ dân phố 31, phường H, thành phố Đ, tỉnh B - Có mặt;

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

### 1. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Ngày 03/10/2018 Nguyễn Văn Y viết giấy nhận nợ của Phùng Ngọc T 12.000.000 đồng; T đã đòi nhiều lần nhưng Y chưa trả. Ngày 29/01/2019 T nhờ Mai Trung K đòi hộ khoản nợ này và hứa cho K 5.000.000 đồng nếu đòi được. K đồng ý và gọi điện cho Y, hẹn đến quán bán nước của K ở số 372, tổ 7, phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ để nói chuyện. Khoảng 12 giờ cùng ngày Y đi xe máy HondaWave biển kiểm soát 27P1-02120 đến chỗ hẹn. K gọi điện cho T mang giấy biên nhận nợ đến. T đưa cho K giấy nhận nợ giữa T và Y; K hỏi Y có phải chữ viết trong giấy biên nhận là của Y không, Y công nhận đúng. K yêu cầu Y trả nợ cho T ngay trong ngày, Y xin khất vì chưa có tiền, nhưng T không đồng ý nên hai bên xảy ra to tiếng. K ra đằng sau Y, dùng chân đá một phát vào vai Y, đồng thời bảo Y đi vào phòng ngủ của K rồi khép cửa lại. T biết K làm thế để ép Y trả nợ cho mình nhưng không có động thái gì. Tại phòng ngủ, K bắt Y quỳ xuống, dùng tay vỗ một phát vào gáy Y, bắt Y xin lỗi và trả nợ cho T. Lúc này có Trần Việt D cùng làm quán nước với K chạy vào, lấy từ bao vớt câu lông để trong phòng một con dao nhọn giờ lên dọa Y; K gạt tay cầm dao của D và bảo D ra ngoài.

Sau đó K và Y ra ngoài chỗ T đang ngồi. T và K yêu cầu Y viết giấy biên nhận với nội dung bán xe máy và điện thoại di động Iphone 6 Plus của Y cho T với giá 12.000.000 đồng, hẹn Y đến 20 giờ cùng ngày nếu trả hết nợ thì T sẽ trả lại xe và điện thoại. Do hoang mang lo sợ nên Y đồng ý. K bảo D lấy giấy bút cho Y viết theo yêu cầu của T. T nhờ D và một người khách không quen biết là Vương Y Anh đang uống nước ở quán ký làm chứng. Y để lại xe, điện thoại, giấy nợ lại cho T rồi về. T để điện thoại và giấy nợ vào cốp xe, gửi lại xe cho D rồi về. Sau đó K bảo D mang xe ra hiệu cầm đồ 56 thuộc tổ dân phố 32, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ cho T.

Cơ quan điều tra đã thu giữ xe máy, điện thoại di động và trả cho anh Y. Anh Y không bị tổn hại về tài sản, sức khỏe. Quá trình điều tra, anh Y không có yêu cầu bồi thường. Trước khi mở phiên tòa, anh Y và đại diện gia đình các bị cáo đã có thỏa thuận bồi thường và đại diện gia đình các bị cáo đã bồi thường cho anh

Y 2.000.000 đồng tiền tổn thất về tinh thần; anh Y có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và xin cho các bị cáo được hưởng án treo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình; người bị hại khai về việc bị đánh, bị đe dọa và bắt viết giấy, để lại tài sản như đã nêu trên; đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*".

2. Các vấn đề khác: Bản kết luận định giá tài sản số 15/QĐ ngày 03/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: Xe máy HondaWave biển kiểm soát 27P1-02120 trị giá 10.500.000 đồng; điện thoại di động Iphon 6 Plus kèm sim trị giá 4.500.000 đồng; tổng cộng 15.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người bị hại không có khiếu nại về kết luận định giá nêu trên.

3. Cáo trạng số 36/CT-VKSTPĐBP ngày 23/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, truy tố các bị cáo về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*". Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội "*Cưỡng đoạt tài sản*". Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 và 65 BLHS: Xử phạt mỗi bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, với thời gian thử thách bằng hai lần mức hình phạt tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; không đề cập giải quyết về bồi thường dân sự và vật chứng vụ án.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người bị hại nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Các bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, xin được giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai của các bị cáo, của người bị hại trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ căn cứ để xác định: Khoảng 12 giờ ngày 29/01/2019, tại số nhà 372, tổ dân phố 7, phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; các bị cáo Phùng Ngọc T và Mai Trung K đã dùng lời nói, hành động đe dọa, uy hiếp tinh thần Nguyễn Văn Y, nhằm bắt Y phải trả T số nợ 12.000.000 đồng. Cụ thể: T có nhờ K đòi nợ Y và hứa cho K 5.000.000 đồng nếu đòi được nợ; K hện Y ra quán của K, tại đây K đã dùng chân đá Y, yêu cầu Y vào phòng ngủ đóng cửa lại, bắt Y quỳ, vỗ vào gáy và bắt Y xin lỗi với mục đích để bắt Y trả nợ cho T. Ngoài ra, theo lời khai của các bị cáo và người bị hại, còn có Trần Việt D dùng dao dọa Y. T biết rõ việc K làm như vậy là để đòi nợ nhưng để mặc

cho K làm. Do sợ hãi nên theo yêu cầu của T và K, Y đã phải viết giấy với nội dung bán xe máy, điện thoại di động của mình và để lại những tài sản này cho T; hẹn đến 20 giờ cùng ngày nếu Y trả hết nợ thì T sẽ trả lại tài sản cho Y.

Theo khoản 1 Điều 170 BLHS thì: *"Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm"*.

Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội *"Cưỡng đoạt tài sản"* theo điều luật đã viện dẫn ở trên. Các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể; không có sự cấu kết chắc chắn nên vụ án không có tính tổ chức. Trong vụ án này các bị cáo có vai trò ngang nhau, trong đó T là người khởi xướng, K là người thực hiện tích cực và cả hai cùng bắt Y viết giấy bán tài sản để ép Y trả nợ. Theo lời khai của các bị cáo và người bị hại, còn có việc Trần Việt D dùng dao đe dọa Y, nhưng hiện D vắng mặt tại nơi cư trú nên tách ra để làm rõ và xử lý sau cùng với những vật chứng có liên quan.

[2] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Các bị cáo đều là những người có trình độ văn hóa, có hiểu biết xã hội nhất định, nhưng để đạt mục đích vi phạm pháp luật, cần phải áp dụng hình phạt tù tương xứng đối với mỗi bị cáo để răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung.

Tuy nhiên, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tại phiên tòa, anh Y thừa nhận đã được đại diện cho gia đình các bị cáo tự nguyện bồi thường tiền tổn thất về tinh thần, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tương ứng theo Điều 51 BLHS đối với các bị cáo. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; có nơi cư trú rõ ràng để cơ quan có thẩm quyền giám sát, giáo dục. Xét thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc không bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, nên cho các bị cáo hưởng án treo với thời gian thử thách nhất định, thể hiện chính sách khoan hồng, giáo dục, cải tạo hơn là trừng trị của Đảng và Nhà nước ta đối với người phạm tội. Với vai trò ngang nhau và các tình tiết giảm nhẹ như nhau, các bị cáo phải chịu hình phạt như nhau. Bị cáo K chỉ thuê quán tại phường Noong Bua trong thời gian ngắn thì bị bắt, nên giao bị cáo về nơi cư trú và đăng ký hộ khẩu thường trú để giám sát, giáo dục.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 170 BLHS thì *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"*. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo hành nghề tự do, không có thu nhập ổn

định và còn phải nuôi con nhỏ, không có tài sản gì đáng kể nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Vật chứng: Xe máy và điện thoại di động đã tạm giữ, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Y, nên HĐXX không đề cập xử lý.

[5] Bồi thường dân sự và các vấn đề khác: Trước khi mở phiên tòa, các bị cáo cùng gia đình đã tự nguyện thỏa thuận và bồi thường cho anh Y; anh Y không có yêu cầu bồi thường gì khác, nên HĐXX không đề cập giải quyết về bồi thường dân sự. Các bị cáo không biết địa chỉ của V, nên không có cơ sở làm rõ việc V ký làm chứng trong giấy nhận nợ ngày 29/01/2019.

[6] Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Điện Biên Phủ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: Các bị cáo **Phùng Ngọc T** và **Mai Trung K** phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

2. Hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự; khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự:

Xử phạt bị cáo Phùng Ngọc T **15 (Mười lăm)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 30 (*Ba mươi*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 17/7/2019.

Xử phạt bị cáo Mai Trung K **15 (Mười lăm)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 30 (*Ba mươi*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 17/7/2019.

Giao bị cáo Phùng Ngọc T cho UBND phường Thanh Bình, thành phố Điện Biên phủ, tỉnh Điện Biên; giao bị cáo Mai Trung K cho UBND phường M, thành phố Đ, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong trường hợp các bị cáo Phùng Ngọc T, Mai Trung K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo Phùng Ngọc T, Mai Trung K cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trả tự do cho các bị cáo ngay tại phiên tòa nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Vật chứng và bồi thường dân sự: Không đề cập giải quyết.

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo Phùng Ngọc T và Mai Trung K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/7/2019).

**Nơi nhận:**

- Bị cáo và người bị hại;
- Viện kiểm sát TP.ĐBP;
- Viện kiểm sát tỉnh ĐB;
- Cơ quan CSĐT công an TP.ĐBP;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Nhà tạm giữ CATP;
- Sở Tư pháp;
- L- u hồ sơ vụ án;
- HS Thi hành án HS;
- Chi cục Thi hành án DS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- L- u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Nhung**

